

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 97/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 22/07/2026
Về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Đẹp.

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Văn Vững.
2. Ông Lưu Văn Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thùy Linh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7, tỉnh Tây Ninh.

Ngày 22 tháng 7 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 162/2026/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 03 năm 2026 về việc: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2026/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 58/2026/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Đặng Thị Thanh T**, sinh năm: 1982; Địa chỉ: **ấp T, xã C, tỉnh Tây Ninh** (vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt ngày 26/5/2026).

- *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Thanh M**, sinh năm: 1977; Địa chỉ: **tổ A, ấp T, xã C, tỉnh Tây Ninh** (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà **Đặng Thị Thanh T** trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông **Nguyễn Thanh M** quen biết, tổ chức lễ cưới và bắt đầu sống chung vào cuối năm 2008, có đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Long An (Nay là xã C, tỉnh Tây Ninh)** vào năm 2008 theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 344/KH.UB, quyển số 02/2008 ngày 27/12/2008 do **Ủy ban nhân dân xã P** cấp (Nay là **xã C, tỉnh Tây Ninh**). Sau khi cưới thì vợ chồng bà sống chung với gia đình ông **M**, cuộc sống hạnh phúc. Đến năm 2009 bắt đầu lên Thành phố Hồ Chí Minh thuê nhà trọ để thuận tiện cho công việc của hai vợ chồng, đến năm 2021-2022 bắt đầu phát minh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã, ông **M** không quan tâm, chăm sóc vợ con, chơi cờ bạc, gây nợ. Bà đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng ông **M** không thay đổi. Đến năm 2024, vợ chồng sống ly thân cho đến nay, trong thời gian sống ly thân không thể hàn gắn tình cảm. Bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn, mục đích hôn

nhân không đạt được nên bà yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Thanh M.

Về con chung: Bà xác định có 03 con chung là Nguyễn Thanh T1, sinh ngày 21/04/2010; Nguyễn Trúc P, sinh ngày 11/10/2012 và Nguyễn Phương A, sinh ngày 11/03/2020. Hiện tại, cả 03 con chung đang sống cùng bà. Sau khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung là Nguyễn Thanh T1, sinh ngày 21/04/2010; Nguyễn Trúc P, sinh ngày 11/10/2012 và Nguyễn Phương A, sinh ngày 11/03/2020, không yêu cầu ông Nguyễn Thanh M cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà xác định vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung.

Quá trình giải quyết vụ án và quá trình chuẩn bị xét xử vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bị đơn là ông Nguyễn Thanh M và đã giao các văn bản tố tụng cho ông Nguyễn Thanh M theo quy định của pháp luật nhưng ông Nguyễn Thanh M đều vắng mặt, không cung cấp tài liệu, chứng cứ và không gửi văn bản ghi ý kiến, quan điểm của ông về các nội dung liên quan đến vụ án. Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông Nguyễn Thanh M vắng mặt không có lý do. Tòa án đã triệu tập họp lệ ông Nguyễn Thanh M hai lần đến phiên tòa nhưng ông Nguyễn Thanh M đều không có mặt tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Đặng Thị Thanh T nộp đơn khởi kiện đối với ông Nguyễn Thanh M hiện cư trú tại ấp T, xã C, tỉnh Tây Ninh với yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Thanh M và yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung. Do đó, xác định đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Căn cứ vào quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7, tỉnh Tây Ninh.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt: Nguyên đơn bà Đặng Thị Thanh T có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt đề ngày 26/5/2026. Bị đơn ông Nguyễn Thanh M đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà Đặng Thị Thanh T và ông Nguyễn Thanh M.

[3] Về hôn nhân: Bà Đặng Thị Thanh T và ông Nguyễn Thanh M kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Long An (nay là xã C, tỉnh Tây Ninh) vào năm 2008, theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 344 ngày 27/12/2008. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông M là hợp pháp.

Qua lời trình bày của bà T thể hiện: Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với gia đình ông M, đến năm 2009 thì cùng lên Thành phố Hồ Chí Minh thuê nhà trọ để thuận tiện cho công việc. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc và có 03 con chung. Tuy nhiên, khoảng từ năm 2021 - 2022 thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã; ông M không quan tâm, chăm sóc vợ con, chơi cờ bạc, gây nợ. Bà T đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng ông M không thay đổi. Đến năm 2024, bà T và ông M sống ly thân cho đến nay, trong thời gian sống ly thân các bên không thể hàn gắn tình cảm. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập họp lệ ông M để tham gia tố tụng, hòa giải nhằm tạo điều kiện cho vợ chồng đoàn tụ nhưng ông M đều vắng mặt, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi

kiện của bà T, thể hiện ông M không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông M đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Đặng Thị Thanh T theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung:

Theo khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn thì “Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”.

Xét thấy, cháu Nguyễn Thanh T1, sinh ngày 21/04/2010 và cháu Nguyễn Trúc P, sinh ngày 11/10/2012, tính đến ngày xét xử sơ thẩm đều trên 07 tuổi. Tại các Bản tự khai ngày 25/06/2026, cháu Nguyễn Thanh T1 và cháu Nguyễn Trúc P đều có nguyện vọng được tiếp tục sống cùng bà Đặng Thị Thanh T sau khi cha mẹ ly hôn. Đối với cháu Nguyễn Phương A, sinh ngày 11/03/2020, tính đến ngày xét xử sơ thẩm trên 36 tháng tuổi nhưng chưa đủ 07 tuổi nên quyết định giao các cháu cho ai trực tiếp nuôi phải căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của cháu.

Xét thấy, trên thực tế, từ khi bà Đặng Thị Thanh T và ông Nguyễn Thanh M không còn chung sống thì bà Đặng Thị Thanh T là người trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con chung cho đến nay. Các cháu hiện được bà Đặng Thị Thanh T nuôi dưỡng, chăm sóc tốt và có tình cảm gắn bó với bà Đặng Thị Thanh T, nếu thay đổi môi trường sống sẽ ảnh hưởng đến thể chất, tinh thần (đời sống tâm sinh lý và tình cảm) và cuộc sống bình thường của các cháu. Do đó, sau khi ly hôn tiếp tục giao các cháu Nguyễn Thanh T1, Nguyễn Trúc P và Nguyễn Phương A cho bà Đặng Thị Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Do vậy, yêu cầu của bà Đặng Thị Thanh T được tiếp tục nuôi dưỡng 03 con chung là Nguyễn Thanh T1, sinh ngày 21/04/2010; Nguyễn Trúc P, sinh ngày 11/10/2012 và Nguyễn Phương A, sinh ngày 11/03/2020 đến khi các con trưởng thành (đủ 18 tuổi) là có cơ sở, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Bà Đặng Thị Thanh T không yêu cầu ông Nguyễn Thanh M cấp dưỡng nuôi con chung nên Tòa án ghi nhận.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Do vụ án xét xử vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Thanh M nên chỉ ghi nhận ý kiến của nguyên đơn bà Đặng Thị Thanh T về việc vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung. Trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp thì các bên có quyền khởi kiện thành vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[6] Về án phí: Bà Đặng Thị Thanh T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 56; các Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Đặng Thị Thanh T.**

1. Về hôn nhân: Bà **Đặng Thị Thanh T** được ly hôn với ông **Nguyễn Thanh M.**

2. Về con chung: Giao các con chung là **Nguyễn Thanh T1**, sinh ngày 21/04/2010; **Nguyễn Trúc P**, sinh ngày 11/10/2012 và **Nguyễn Phương A**, sinh ngày 11/03/2020 cho bà **Đặng Thị Thanh T** tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Ghi nhận sự tự nguyện của bà **Đặng Thị Thanh T** không yêu cầu ông **Nguyễn Thanh M** cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông **Nguyễn Thanh M** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để gây cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con. Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Bà **Đặng Thị Thanh T** phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005651 ngày 23 tháng 03 năm 2026 của Thi hành án dân tỉnh Tây Ninh sang thi hành án phí.

4. Về quyền, thời hạn kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 7, Tây Ninh;
- THA tỉnh Tây Ninh;
- UBND nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu HS, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Dệp

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Đệp

